

Bản án số: 250/2025/DS-ST

Ngày: 29 – 9 – 2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi

2. Bà Phan Thị Thu Yến

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2025/TB-TLVA ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K; trụ sở: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (địa chỉ sau sáp nhập là 4 P, phường R, tỉnh Kiên Giang). Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh H, sinh năm 1997, chức vụ: Chuyên viên chính xử lý nợ phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K (Theo Quyết định số 2069/QĐ-NHKL ngày 26/7/2024), có mặt.

Bị đơn: Ông Vương Bảo T, sinh năm 1998; thường trú tại: Số A, khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (địa chỉ sau sáp nhập là Số A, khu phố C, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị Lệ D, sinh năm 1956; trú tại: 6, khu phố A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959; trú tại: 6, khu phố A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Bà Nguyễn Thị Thủy T1, sinh năm 1997; trú tại: 6, khu phố A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1981; trú tại: 6, khu phố A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1990; trú tại: 6, khu phố A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP K (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ông Vương Bảo T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 028/24/HĐTD/1504-13612 ngày 11/3/2024 với Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh S, Phòng G, số tiền vay là 1.700.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất vay được ấn định 7,6%/năm, được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân; sau thời gian cố định, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, theo công thức lãi suất cơ sở ngắn hạn do K1 công bố cộng với biên độ 2,9%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn. Vốn vay trả cuối kỳ vào ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, ông Vương Bảo T còn ký Hợp đồng tín dụng số 028/24/HĐTD.TCBDS ngày 12/3/2024 với số tiền vay 200.000.000 đồng, mục đích vay phục vụ đời sống, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12,9%/năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế. Lãi suất nợ quá hạn cũng được xác định bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, vốn vay trả cuối kỳ vào ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay, ông Vương Bảo T đã thế chấp quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số 028/24/HĐTC-BDS/1504-13612 ngày 11/3/2024, được công chứng tại Phòng C1, tỉnh Bình Dương và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ Chi nhánh huyện P cùng ngày. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại Thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh) diện tích 51,9m², hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, nguồn gốc đất do Nhà nước công nhận quyền sử dụng như giao đất có thu tiền theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 502062, số vào sổ cấp GCN CS 13215 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B biến động ngày 04/12/2023 tên ông Vương Bảo T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Vương Bảo T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 29/9/2025, ông còn nợ Ngân hàng TMCP K tổng cộng 2.140.342.919 đồng, gồm:

Theo Hợp đồng tín dụng số 028/24/HĐTD/1504-13612 ngày 11/3/2024: 1.891.188.045 đồng (nợ gốc 1.700.000.000 đồng; lãi trong hạn 16.170.959 đồng; lãi chậm trả 890.510 đồng; lãi quá hạn 174.126.575 đồng).

Theo Hợp đồng tín dụng số 028/24/HĐTD.TCBDS ngày 12/3/2024: 249.154.874 đồng (nợ gốc 199.999.885 đồng; lãi trong hạn 25.729.304 đồng; lãi chậm trả 2.114.190 đồng; lãi quá hạn 21.311.495 đồng).

Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu buộc ông Vương Bảo T thanh toán 2.140.342.919 đồng (nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/9/2025), tiếp tục trả lãi và tiền phạt phát sinh từ 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp ông T không trả hoặc trả không đầy đủ, Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất; những người đang cư trú trên đất gồm bà Phan Thị Lệ D, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thủy T1, bà Nguyễn Thị Bích P và ông Nguyễn Đức L có nghĩa vụ di dời, bàn giao nhà đất để phát mãi thu hồi nợ.

Tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện: Bảng tính lãi. Giấy xác nhận đăng ký doanh nghiệp. Điều lệ Ngân hàng, Quyết định ủy quyền của tổ tụng. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh. Bản sao y căn cước công dân ông Lê Trung V, ông Trần Ngọc M, ông Nguyễn Anh H. Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 502062. Căn cước công dân photo ông Vương Bảo T. Bản sao Giấy xác nhận độc thân ông Vương Bảo T. Hợp đồng thế chấp bản sao y. Hợp đồng tín dụng, hợp đồng tín dụng, thông báo thanh toán nợ (bản sao y).

Bị đơn – ông Vương Bảo T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C và bà Phan Thị Lệ D thống nhất trình bày:

Năm 2023, do cần tiền, ông Nguyễn Văn C và bà Phan Thị Lệ D nhờ con gái giới thiệu và vay của ông Vương Bảo T 180.000.000 đồng, thời hạn 3 năm, lãi 3.600.000 đồng/tháng. Ông Tân buộc họ phải ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì mới cho vay. Vì túng quẫn, ông bà phải ký hợp đồng này; sau đó ông T đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp ngân hàng. Hiện ngân hàng khởi kiện yêu cầu phát mãi tài sản để thu hồi nợ, nhưng ông C và bà D không

đồng ý, cho rằng giao dịch với ông T chỉ là hợp đồng vay tiền, không phải chuyển nhượng đất, đồng thời đề nghị buộc ông T trả nợ ngân hàng và hoàn trả giấy chứng nhận.

Tại phiên tòa, ông C và bà D thừa nhận chữ ký, dấu vân tay trong biên bản thỏa thuận và hợp đồng ba bên do ngân hàng cung cấp là của mình, nhưng cho rằng do thiếu hiểu biết pháp luật, tin tưởng ông T nên ký và lăn tay mà không đọc nội dung.

Tài liệu chứng cứ cung cấp: 01 bản pho to giấy hợp đồng vay tiền; 01 bản photo.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Thủy T1, bà Nguyễn Thị Bích P trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của bà Phan Thị Lệ D và ông Nguyễn Văn C, do bận công việc nên đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Bị đơn – ông Vương Bảo T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng các ông bà này không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Vương Bảo T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, xét đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Xét hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 028/24/HĐTD/1504-13612 ngày 11/3/2024 và Hợp đồng tín dụng số 028/24/HĐTD.TCBDS ngày 12/3/2024. Xét thấy việc các đương sự ký kết các hợp đồng tín dụng nêu trên là tự nguyện và phù hợp theo quy định pháp luật. Đối với lãi suất và phí các đương sự thỏa thuận là phù hợp tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, như vậy hợp đồng tín dụng là hợp pháp phát sinh quyền và nghĩa vụ các đương sự trong hợp đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng thì ngân hàng đã giải ngân cho ông Vương Bảo T. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Vương Bảo T chưa thanh toán khoản tiền gốc và chỉ thanh toán lãi trong hạn cho ngân hàng, mặc dù đã nhiều lần gửi thông báo, gọi điện nhắc nợ cũng như mời đến làm việc về phương án trả nợ. Việc ông Vương Bảo T không thanh toán khoản nợ đến hạn đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng nên ngân hàng khởi kiện thu hồi toàn bộ tiền nợ gốc và lãi phù hợp.

[3.3] Ngân hàng được tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 29/9/2025 cho đến khi ông Vương Bảo T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết nêu trên là đúng theo thỏa thuận các bên và phù hợp theo quy định pháp luật.

[3.4] Để đảm bảo cho khoản vay ông Vương Bảo T đã thế chấp quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số 028/24/HĐTC-BDS/1504-13612 ngày 11/3/2024 được công chứng tại Phòng C1, tỉnh Bình Dương và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ Chi nhánh huyện P cùng ngày. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại Thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, diện tích 51,9m², hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, nguồn gốc đất do Nhà nước công nhận quyền sử dụng như giao đất có thu tiền. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 502062, số vào sổ cấp GCN CS 13215 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B biến động sang tên cho ông Vương Bảo T. Căn cứ Điều 117, Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2015 hợp đồng thế chấp là hợp pháp và đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đã phát sinh hiệu lực vì vậy trường hợp ông T không thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng đầy đủ thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là có căn cứ.

[3.5] Đối với ý kiến của bà D và ông C cho rằng chỉ vay tiền của ông T, không chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu ông T trả tiền để nhận lại tài sản, xét thấy thực tế, trên tài sản thế chấp hiện nay bà D, ông C cùng các con là bà Nguyễn

Thị Thủy T1, bà Nguyễn Thị Bích P đang sinh sống. Tuy nhiên, Ngân hàng đã cung cấp Biên bản thỏa thuận ngày 11/3/2024 giữa ông Vương Bảo T (bên cho thuê nhà) với bà Phan Thị Lệ D và ông Nguyễn Văn C (bên thuê nhà) đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 16 tại Thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Trong biên bản này, ông C và bà D cam kết sẽ bàn giao tài sản khi Ngân hàng tiến hành phát mãi. Điều đó chứng tỏ bà D và ông C đã biết rõ việc ông T dùng quyền sử dụng đất để thế chấp cho Ngân hàng, đồng thời ý thức được hậu quả pháp lý là tài sản có thể bị phát mãi để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. Việc họ ký kết thỏa thuận bàn giao tài sản khi phát mãi càng thể hiện sự thừa nhận quyền xử lý tài sản của Ngân hàng. Do đó, việc bà D và ông C không đồng ý để phát mãi tài sản thế chấp là không có căn cứ. Hợp đồng thế chấp đã được xác lập hợp pháp, phát sinh hiệu lực và phải được thực hiện.

Xét thấy, quan hệ tranh chấp giữa ông C, bà D với ông Vương Bảo T (nếu có) liên quan đến việc xác định giao dịch giữa các bên là hợp đồng vay tài sản hay hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là một quan hệ pháp luật dân sự khác. Vấn đề này vượt ra ngoài phạm vi giải quyết của vụ án Ngân hàng khởi kiện đòi nợ và xử lý tài sản bảo đảm. Do đó, nếu ông C và bà D có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo thủ tục chung. Trong vụ án hiện tại, Ngân hàng là bên nhận thế chấp ngay tình, hợp đồng thế chấp được xác lập hợp pháp và đã phát sinh hiệu lực, nên Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

[3.5] Khi Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thì những người đang cư trú trên đất, gồm bà Phan Thị Lệ D, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thủy T1, bà Nguyễn Thị Bích P và ông Nguyễn Đức L có nghĩa vụ di dời và bàn giao nhà đất cho Ngân hàng để phát mãi. Xét thấy, yêu cầu của Ngân hàng buộc các đương sự này di dời, bàn giao tài sản là hệ quả tất yếu của việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 299, Điều 301 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 7 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP. Đây là yêu cầu gắn liền trực tiếp với việc phát mãi tài sản thế chấp, nhằm bảo đảm cho thi hành án, nên không vượt quá phạm vi khởi kiện. Do đó, có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

[5] Về lệ phí tố tụng: Do yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên ông Vương Bảo T phải chịu 4.500.000 đồng, ông Vương Bảo T phải có trách nhiệm thanh toán lại toàn bộ số tiền này cho ngân hàng.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vương Bảo T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 3 Điều 318; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông Vương Bảo T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Vương Bảo T thanh toán cho ngân hàng số tiền 2.140.342.919 đồng theo hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 028/24/HĐTD/1504-13612 ngày 11/3/2024 và Hợp đồng tín dụng số 028/24/HĐTD.TCBDS ngày 12/3/2024.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày **29/9/2025** ông Vương Bảo T còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 028/24/HĐTD/1504-13612 ngày 11/3/2024 và Hợp đồng tín dụng số 028/24/HĐTD.TCBDS ngày 12/3/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất của ngân hàng cho vay mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Vương Bảo T không thanh toán tiền vay thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại Thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 502062, sổ vào sổ cấp GCN CS 13215 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 04/12/2023. Hợp đồng thế chấp số 028/24/HĐTC-BDS/1504-13612 ngày 11/3/2024, được công chứng tại Phòng C1, tỉnh Bình Dương và 01 căn nhà cấp 4, kết cấu sàn gạch men, tường xây tô, mái tôn.

Ngoài ra phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm, các tài sản gắn liền với diện tích đất đã thế chấp cũng đều thuộc tài sản thế chấp theo hợp đồng này.

Buộc bà Phan Thị Lệ D, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thủy T1, bà Nguyễn Thị Bích P và ông Nguyễn Đức L phải di dời, bàn giao nhà đất thế chấp cho Ngân hàng để xử lý, phát mãi tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vương Bảo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm **74.806.858 đồng**

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền 34.934.036 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001026 ngày 25 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nay là Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về chí phí tố tụng: Ông Vương Bảo T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền 4.500.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị N